

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
(Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025)

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2465/SKHĐT-KT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: *“Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025”* (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Điểm b, khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này”*.

Căn cứ các quy định nêu trên, việc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết: *“Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025”* là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật và thống nhất với các nội dung khác có trong dự thảo; phù hợp với nội dung được Chính phủ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết.

2.2. Đối tượng áp dụng

Điều 2 dự thảo Quy định ban hành kèm theo dự kiến đối tượng áp dụng của dự thảo bao gồm: “...các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến **hoạt động lồng ghép** trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia...”. Sở Tư pháp nhận thấy, đối tượng áp dụng được dự kiến như trên là chưa rõ ràng, chưa đầy đủ. Cụ thể: “**hoạt động lồng ghép**” trong quy định trên chưa rõ lồng ghép vấn đề, nội dung gì. Bên cạnh đó, không chỉ có cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động lồng ghép vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của Quy định mà còn có những cá nhân, tổ chức khác cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định như các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn thực hiện chương trình, dự án khác nhưng được cơ quan, người có thẩm quyền lồng ghép nguồn vốn đóng góp đó cùng với nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung để đảm bảo đầy đủ, bao quát hết đối tượng áp dụng của Quy định dự kiến ban hành kèm theo⁽¹⁾.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung đối tượng áp dụng của dự thảo Quy định với lý do đã được trình bày tại điểm 2.2 mục 2 Báo cáo này.

3.2. Một trong những nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn được dự kiến tại khoản 2 Điều 3 dự thảo là: “...**tăng cường trao quyền, phân cấp**...”. Sở Tư pháp chưa thấy văn bản quy phạm pháp luật quy định về “**trao quyền**”. Vì vậy,

¹ Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tham khảo để biên tập đối tượng áp dụng theo hướng sau: “*Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”.

đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét không sử dụng thuật ngữ này. Trường hợp sử dụng đề nghị giải thích cụ thể.

3.3. Điều 6 dự thảo Quy định có tên gọi: “*Lĩnh vực ưu tiên thực hiện việc lồng ghép*”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 6 còn quy định về danh mục dự án, tỷ lệ dự án thực hiện đầu tư theo cơ chế đặc thù. Như vậy, quy định trên không phù hợp với tên gọi của Điều 6. Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, loại bỏ.

3.4. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo loại bỏ khoản 4 Điều 8 dự thảo Quy định. Lý do: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, mẫu hồ sơ, phương thức, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, nội dung hỗ trợ được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định⁽²⁾.

3.5. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại chú thích (*nội dung in đậm*) sau tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Quy định vì không rõ nghĩa: “*Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, danh mục dự án (nội dung hoạt động, sau đây gọi chung là dự án)*”.

3.6. Khoản 5 Điều 9 quy định: “*Căn cứ kế hoạch lồng ghép được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại khoản Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện...*”. Sở Tư pháp nhận thấy khoản 2 Điều 9 không quy định việc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lồng ghép. Khoản 2 Điều 9 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành tổ chức rà soát nội dung của từng dự án thuộc phạm vi quản lý có cùng mục tiêu, nội dung để xác định việc lồng ghép. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại khoản 2, khoản 5 Điều 9 để đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định.

3.7. Đề nghị bỏ từ “*đồng*” tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Quy định vì không cần thiết.

3.8. Hiện nay, một số cơ quan trên địa bàn tỉnh cũng được cơ quan có thẩm quyền giao xây dựng các Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Vì vậy, để đảm bảo thống nhất về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan được giao chủ quản thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc*) nghiên cứu, xây dựng tỷ lệ huy động (*hỗ trợ*) vốn lồng ghép nguồn ngân sách nhà nước trong từng dự án (*Điều 8*) cho phù hợp, thống nhất, tránh tình trạng các mức hỗ trợ bị chồng chéo, mâu thuẫn sau khi các Nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành.

⁽²⁾ Hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Tỷ lệ hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước đối với các dự án (Điều 8 dự thảo), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ thực tế của địa phương, khả năng cân đối nguồn vốn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định tỷ lệ hỗ trợ vốn thực hiện các dự án*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, bố cục các Điều, khoản trong dự thảo Quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, việc gửi hồ sơ thẩm định chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*). Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh số thứ tự của dự thảo Quyết định theo đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽³⁾.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định

⁽³⁾ Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh số thứ tự của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tham gia ý kiến đối với dự thảo... **Dự thảo 3** là dự thảo được gửi đến cơ quan thẩm định sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: *Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025*”. Kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng